

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ THÁI HOÀ  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 20/2021/HS-ST

Ngày 26 tháng 5 năm 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Văn Diên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đậu Đức Đông.  
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Hồ Xuân Quyền - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:** Ông Hồ Văn Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 13/5/2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Viết T - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 04 tháng 8 năm 1984, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết P, sinh năm 1950 và bà Vũ Thị B, sinh năm 1950; vợ Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 25/01/2021, được tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: Phùng Xuân C - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 13 tháng 9 năm 1992, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối L, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Xuân K, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 25/01/2021, được tại ngoại (có mặt).

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ông Hoàng Anh T, sinh năm 1962.

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ an (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983.

Trú tại: Khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1990.

Trú tại: Khối L, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Anh Đàm Quang T, sinh năm 1988.

Trú tại: Khối L, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Chị Lê Thúy M, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Chị Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1990.

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Người chứng kiến:

Anh Hà Văn D, sinh năm 1992.

Trú tại: Khối Q, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966.

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.

Trú tại: Khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 6 năm 2020, Nguyễn Viết T có mở cửa hàng cầm đồ Đ địa chỉ tại khối T, phường H, thị xã T để hoạt động dịch vụ cầm đồ. Để hoạt động, Nguyễn Viết T đã thuê Phùng Xuân C và Hà Văn D làm việc giúp mình và trả tiền công mỗi người là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) một tháng. Nhiệm vụ chính của Phùng Xuân C là trông coi cửa hàng, khi có khách đến cầm cầm tài sản thì làm thủ tục cho khách, nếu có người vay tiền không có tài sản cầm cầm thì sẽ gọi cho Nguyễn Viết T để xin ý kiến và làm thủ tục vay cho khách, Phùng Xuân C còn giúp T thu tiền lãi suất và tiền gốc của những người vay trả. Quá trình T làm hợp đồng cho khách C đều có mặt chứng kiến việc vay tiền để thuận tiện cho việc C đi thu lãi. Ngoài ra C còn giúp T gọi điện thoại cho khách thông báo cho khách việc trả lãi đúng hạn. Nhiệm vụ của Hà Văn D là dọn dẹp cửa hàng và lái xe cho Nguyễn Viết T.

Quá trình kinh doanh cầm đồ, do hám lợi nên Nguyễn Viết T đã cho các khách hàng vay tiền lãi nặng để thu lợi bất chính. Khi có khách hàng vay thì gặp trực tiếp Nguyễn Viết T để trao đổi về hình thức vay, số tiền vay, thời gian vay và lãi suất vay do Nguyễn Viết T quy định. Quá trình vay, tùy vào khách hàng vay Nguyễn Viết T cho khách hàng vay viết và ký vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, số giấy tờ này Nguyễn Viết T đã làm mất. Đến thời hạn trả tiền lãi Nguyễn Viết T giao cho Phùng Xuân C gọi điện thoại hoặc nhắn tin cho khách hàng vay để nhắc nhở. Khách hàng vay tiền sẽ thanh toán tiền lãi cho Nguyễn Viết T bằng hình thức đưa tiền trực tiếp cho T, nếu không có mặt T thì đưa tiền lãi cho Phùng Xuân C hoặc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng BIDV số: 51310004288xxx mang tên NGUYEN VIET T. Bằng thủ đoạn trên từ tháng 6/2020 đến cuối tháng 1/2021 Nguyễn Viết T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với 05 người vay để thu lợi bất chính cụ thể như sau:

***Giao dịch với ông Hoàng Anh T:***

Vào ngày 10/6/2020, vì cần tiền để chữa bệnh cho vợ nên ông Hoàng Anh T và vợ là bà Hoàng Thị N đến cửa hàng cầm đồ Đ gặp Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C để vay số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và thỏa thuận mức lãi suất vay là 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/01 năm (0.3%/ngày) và tiền lãi sẽ được trả 10 ngày 1 lần với số tiền là 1.050.000 đồng (một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng). Những lần trả tiền lãi ông T trực tiếp đưa tiền cho Nguyễn Viết T hoặc Phùng Xuân C, khi đến hạn trả lãi Phùng Xuân C trực tiếp gọi điện thoại cho ông T để nhắc nhở việc trả lãi. Đến ngày 15/01/2021, Hoàng Anh T đã trả cho Nguyễn Viết T số tiền lãi là 23.100.000 đồng (hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng) trong 220 ngày (từ ngày 10/06/2020 đến ngày 15/01/2021) bằng hình thức trả trực tiếp và chưa trả số tiền gốc. Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Viết T được hưởng trong 214 ngày là:  $35.000.000đ \times 0,054794\% \times 220$  (ngày) = 4.219.138 đồng (bốn triệu, hai trăm mười chín nghìn, một trăm ba mươi tám đồng). Như vậy, Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính số tiền là: 23.100.000 đồng - 4.219.138 đồng = 18.880.862 đồng (mười tám triệu tám trăm tám mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng).

***Giao dịch với anh Nguyễn Văn D:***

Vào ngày 20/6/2020, vì cần tiền để lo công việc nên Nguyễn Văn D và vợ là Nguyễn Thị H đến gặp Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C để vay số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và thỏa thuận mức lãi suất vay là 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/01 năm (0.3%/ngày) và tiền lãi sẽ được trả 10 ngày 1 lần với số tiền là 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Những lần trả tiền lãi anh D trả trực tiếp cho Nguyễn Viết T hoặc Phùng Xuân C hoặc chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng BIDV số 51310000405xxx mang tên Nguyễn Văn D vào tài khoản ngân hàng BIDV số 5131000488xxx mang tên Nguyễn Viết T, nhiều lần Phùng Xuân C đã gọi điện hoặc nhắn tin cho anh Nguyễn Văn D nhắc nhở việc trả lãi. Đến ngày 19/01/2021, Nguyễn Văn D đã trả cho Nguyễn Viết T số tiền lãi là 22.470.000 đồng (hai mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) trong 214 ngày (từ ngày 20/06/2020 đến ngày 19/01/2021). Ngày 19/01/2020, Nguyễn Văn D cũng đã trả số tiền gốc là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Viết T được hưởng trong 214 ngày là:  $35.000.000đ \times 0,054794\% \times 214$  (ngày) = 4.104.071 đồng (bốn triệu, một trăm linh tư nghìn, không trăm bảy mươi một đồng). Như vậy, Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính số tiền là: 22.470.000 đồng - 4.104.071 đồng = 18.365.929 đồng (mười tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng).

***Các giao dịch với anh Nguyễn Ngọc H:***

Vào ngày 12/7/2020, vì cần tiền để lo công việc nên Nguyễn Ngọc H đến cửa hàng cầm đồ Đ gặp Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C để vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và thỏa thuận mức lãi suất vay là 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/01 năm (0.3%/ngày) và tiền lãi sẽ được trả 1 tháng 1 lần với số tiền là 1.800.000 đồng (một triệu, tám trăm nghìn đồng). Những

lần trả tiền lãi anh H trả tiền trực tiếp cho Nguyễn Viết T hoặc Phùng Xuân C, nhiều lần Phùng Xuân C trực tiếp gọi điện thoại cho anh H nhắc nhở việc trả tiền lãi. Đến ngày 12/09/2020, Nguyễn Ngọc H đã trả cho Nguyễn Viết T số tiền lãi là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) trong 02 tháng (là 60 ngày tính từ ngày 12/07/2020 đến ngày 12/09/2020). Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm ( $0,054794\%/ngày$ ), theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Viết T được hưởng trong 60 ngày là:  $20.000.000đ \times 0,054794\% \times 60 (\text{ngày}) = 657.528$  đồng (sáu trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng). Như vậy, Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính số tiền là: 3.600.000 đồng – 657.528 đồng = 2.942.472 đồng (hai triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng). Tiếp đến, vào ngày 21/9/2020, Nguyễn Ngọc H tiếp tục đến cửa hàng cầm đồ Đ gặp Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C để vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và thỏa thuận mức lãi suất vay là 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/01 năm ( $0.3\%/ngày$ ) và tiền lãi sẽ được trả 1 tháng 1 lần với số tiền là 1.800.000 đồng (một triệu, tám trăm nghìn đồng). Đến ngày 21/12/2020, Nguyễn Ngọc H đã trả cho Nguyễn Viết T số tiền lãi là 5.400.000 đồng (năm triệu, bốn trăm nghìn đồng) trong 3 tháng (là 90 ngày tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 21/12/2020) bằng hình thức trả trực tiếp cho Nguyễn Viết T hoặc Phùng Xuân C. Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm ( $0,054794\%/ngày$ ), theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Viết T được hưởng trong 90 ngày là:  $20.000.000đ \times 0,054794\% \times 90 (\text{ngày}) = 986.292$  đồng (chín trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng). Như vậy, Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính số tiền là: 5.400.000 đồng – 986.292 đồng = 4.413.708 đồng (bốn triệu, bốn trăm mười ba nghìn, bảy trăm linh tám đồng).

Như vậy qua 02 lần giao dịch Nguyễn Viết T đã cho Nguyễn Ngọc H vay với số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính 7.356.180 đồng (bảy triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi đồng).

#### ***Các giao dịch với anh Đàm Quang T:***

Vào ngày 20/7/2020, vì cần tiền để lo công việc nên Đàm Quang T đã đến cửa hàng cầm đồ Đ gặp Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C để vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và thỏa thuận mức lãi suất vay là 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/01 năm ( $0.3\%/ngày$ ) và tiền lãi sẽ được trả 1 tháng 1 lần với số tiền là 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Những lần trả tiền lãi anh Tân trả tiền trực tiếp cho Nguyễn Viết T hoặc Phùng Xuân C hoặc chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng BIDV số 51310000223xxx mang tên Đàm Quang T vào tài khoản ngân hàng BIDV số 5131000488xxx mang tên Nguyễn Viết T. Phùng Xuân C đã nhiều lần gọi điện thoại cho anh T nhắc nhở việc trả lãi. Đến ngày 21/10/2020, Đàm Quang T đã trả cho Nguyễn Viết T số tiền lãi là 13.500.000 đồng (mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng) trong 03 tháng (là 90 ngày tính từ ngày 20/07/2020 đến ngày 20/10/2020). Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm ( $0,054794\%/ngày$ ), theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Viết T được hưởng trong 90 ngày là:  $50.000.000đ \times 0,054794\% \times 90 (\text{ngày}) = 2.465.730$  đồng (hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi đồng).

Như vậy, Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính số tiền là: 13.500.000 đồng – 2.465.730 đồng = 11.034.270 đồng (mười một triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm bảy mươi đồng).

Vào ngày 21/9/2020, Đàm Quang T tiếp tục đến cửa hàng cầm đồ Đ gặp Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C để vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và thỏa thuận mức lãi suất vay là 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/01 năm (0.3%/ngày) và tiền lãi sẽ được trả 1 tháng 1 lần với số tiền là 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Những lần trả tiền lãi anh Tân trực tiếp đưa tiền cho Nguyễn Viết T hoặc Phùng Xuân C. Đến ngày 21/10/2020, Đàm Quang T đã trả cho Nguyễn Viết T số tiền lãi là 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) trong 1 tháng (là 30 ngày tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 21/10/2020). Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Viết T được hưởng trong 30 ngày là:  $50.000.000đ \times 0,054794\% \times 30 \text{ (ngày)} = 821.910 \text{ đồng}$  (tám trăm hai mươi một nghìn, chín trăm mười đồng). Như vậy, Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính số tiền là: 4.500.000 đồng – 821.910 đồng = 3.678.090 đồng (ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm chín mươi đồng).

Như vậy qua 02 lần giao dịch Nguyễn Viết T đã cho Đàm Quang T vay với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính 14.712.360 đồng (mười bốn triệu, bảy trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu mươi đồng).

#### ***Các giao dịch với chị Lê Thúy M:***

Vào ngày 13/7/2020, vì cần tiền để lo công việc nên Lê Thúy M đã nhờ Nguyễn Văn D đưa đến cửa hàng cầm đồ Đ gặp Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C để vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và thỏa thuận mức lãi suất vay là 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/01 năm (0.3%/ngày) và tiền lãi sẽ được trả 10 ngày 1 lần với số tiền là 1.050.000 đồng (một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng). Những lần trả tiền lãi chị M trả tiền trực tiếp cho Nguyễn Viết T hoặc Phùng Xuân C hoặc chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0861000044xxx mang tên Lê Thị Bích N vào tài khoản ngân hàng BIDV số 5131000488xxx mang tên Nguyễn Viết T. Phùng Xuân C đã nhiều lần nhắc tin, gọi điện thoại cho chị M nhắc nhở việc trả lãi. Đến ngày 18/01/2021, Lê Thúy M đã trả cho Nguyễn Viết T số tiền lãi là 11.400.000 đồng (mười một triệu, bốn trăm nghìn đồng) trong 190 ngày (tính từ ngày 13/07/2020 đến ngày 18/01/2021). Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Viết T được hưởng trong 190 ngày là:  $20.000.000đ \times 0,054794\% \times 190 \text{ (ngày)} = 2.082.172 \text{ đồng}$  (hai triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi hai đồng). Như vậy, Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính số tiền là: 11.400.000 đồng – 2.082.172 đồng = 9.317.828 đồng (chín triệu, ba trăm mười bảy nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng).

Vào ngày 22/12/2020, Lê Thúy M tiếp tục đến cửa hàng cầm đồ Đ gặp Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C để vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và thỏa thuận mức lãi suất vay là 5000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/01 năm (0.5%/ngày) và tiền lãi sẽ được trả 1 tháng 1 lần với số tiền

là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Đến ngày 17/01/2021, Lê Thúy M đã trả cho Nguyễn Viết T số tiền lãi là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trong 1 tháng đầu (là 30 ngày tính từ ngày 22/12/2020 đến ngày 22/01/2021) bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, mức lãi suất hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm (0,054794%/ngày), theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Viết T được hưởng trong 30 ngày là:  $20.000.000đ \times 0,054794\% \times 30 \text{ (ngày)} = 328.764 \text{ đồng}$  (ba trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi tư đồng). Như vậy, Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính số tiền là: 3.000.000 đồng – 328.764 đồng = 2.671.236 đồng (hai triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng). Qua 02 lần giao dịch Nguyễn Viết T đã cho Lê Thúy M vay với số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), Nguyễn Viết T đã thu lợi bất chính số tiền 11.989.064 đồng (mười một triệu, chín trăm tám chín nghìn, không trăm sáu mươi tư đồng).

Như vậy, từ ngày 10/6/2020 đến ngày 20/01/2021, Nguyễn Viết T đã thông qua 8 giao dịch dân sự cho 05 cá nhân đã cho vay tổng số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, thu tổng số tiền lãi là 86.970.000 đồng (tám mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 71.304.395 đồng (bảy mươi một triệu, ba trăm linh tư nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng).

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 15 tháng 4 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 17; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 - BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 10% đến 15% trong thời gian thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 - BLHS: Xử phạt bị cáo Phùng Xuân C từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 10% đến 15% trong thời gian thi hành án.

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tuyên tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu xanh Galaxy M20, số kiểu máy SMM205GIDS, số seri R28M13E32Hj, bên trong có hai thẻ sim số: 0942456xxx và 0927528xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Viết T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, số máy MQAD2VN/A, số seri DNPYK7SQJCLJ, bên trong có lắp sim số 0387666xxx, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Viết T; 01 (một) điện thoại màu đen trắng, nhãn hiệu NOKIA màu đen có số seri 1357732101702881, bên trong gắn thẻ sim 0977210xxx thu giữ của Phùng Xuân C; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, màu hồng, số máy

NKU92LL/A số seri FTHSK25KGRX5, bên trong gắn thẻ sim số 0385846xxx, thu giữ của Phùng Xuân C do các bị cáo dùng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV có dãy số dập nổi 9704180027028xxx mang tên Nguyễn Việt T.

Đối với các vật chứng khác không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan CSĐT đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Truy thu từ bị cáo Nguyễn Việt T số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và 15.665.605 đồng (mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm linh năm đồng), là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do phát sinh từ tội phạm để tịch thu, sung quỹ nhà nước; truy thu từ ông Hoàng Anh T số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); truy thu từ anh Nguyễn Ngọc H số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); truy thu từ anh Đàm Quang T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); truy thu từ chị Lê Thúy M số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) do ông T, anh H, anh T, chị M vay của Nguyễn Việt T nhưng chưa trả cho Nguyễn Việt T.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 47 - BLHS: Buộc bị cáo Nguyễn Việt T trả lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm do bị cáo thu lợi bất chính là 71.304.395 đồng (bảy mươi một triệu, ba trăm linh tư nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng) của những người vay gồm: Trả lại cho ông Hoàng Anh T số tiền 18.880.862 đồng (mười tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn D số tiền 18.365.929 đồng (mười tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng); trả lại cho anh Nguyễn Ngọc H số tiền 7.356.180 đồng (bảy triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi đồng); trả lại cho anh Đàm Quang T số tiền 14.712.360 đồng (mười bốn triệu, bảy trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu mươi đồng); trả lại cho chị Lê Thúy M số tiền 11.989.064 đồng (mười một triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi tư đồng).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Việt T và Phùng Xuân C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Các bị cáo không tranh luận về tội danh cũng như mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với đơn trình báo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được Nguyễn Viết T đã thuê Phùng Xuân C để giúp Tú thu tiền lãi suất và tiền gốc cho vay của những người vay. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/6/2020 đến ngày 20/01/2021, Nguyễn Viết T đã thông qua 8 giao dịch dân sự đã cho 05 cá nhân gồm ông Hoàng Anh T, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Ngọc H, anh Đàm Quang T, chị Lê Thuý M vay tổng số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm (vượt gấp từ 5,47 lần đến 9,12 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 - BLDS 2015). Tổng số tiền lãi đã thu 86.970.000 đồng (tám mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 71.304.395 đồng (bảy mươi một triệu, ba trăm linh tư nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng), nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Viết T, Phùng Xuân C đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 201 - Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, nhưng bị cáo T là người trực tiếp bỏ tiền ra cho vay, đồng thời là người trực tiếp đứng ra thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính. Do đó bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo C được T thuê mỗi tháng 6.000.000 đồng để giúp T trong việc trực tiếp gọi điện, nhắc tín đốc thúc người vay trả tiền lãi và tiền gốc cho bị cáo T, đồng thời trực tiếp thu tiền lãi của một số người vay tiền cho T. Công biết rõ việc T cho vay lãi nặng những vẫn giúp sức cho bị cáo T. Do đó bị C phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò sau bị cáo T.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng: Tất cả các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về



hành vi phạm tội. Mặt khác bị cáo T được sinh ra trong gia đình có công với cách mạng, bố của bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Huân chương chiến sỹ giải phóng. Bị cáo C sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, kết hợp với việc xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Xét các bị cáo có nơi thường trú rõ ràng nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 36 - BLHS như lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự thì trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Xét các bị cáo Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C đều làm nghề lao động tự do, trong đó bị cáo Tú thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000 đồng, bị cáo Công thu nhập bình quân mỗi tháng 3.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định khấu trừ 15% thu nhập của bị cáo T và khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo C trong thời gian chấp hành án và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Anh T, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Ngọc H, anh Đàm Quang T, chị Lê Thuý M vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua đơn xét xử vắng mặt anh D, ông T, anh H, anh T, chị M đều trình bày đề nghị Hội đồng xét xử xử lý tiền gốc, tiền lãi theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H trình bày, quá trình Cơ quan CSĐT khám xét chỗ ở của bị cáo T, đã tạm giữ của chị một số tài sản nhưng không liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT đã trả lại toàn bộ tài sản cho chị, chị không bị thiệt hại gì nên không có yêu cầu gì, do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Gồm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu xanh Galaxy M20, số kiểu máy SMM205GIDS, số seri R28M13E32Hj, bên trong có hai thẻ sim số: 0942456xxx và 0927528xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Viết T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, số máy MQAD2VN/A, số seri DNPYK7SQJCLJ, bên trong có lắp sim số 0387666xxx, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Viết T; 01 (một) điện thoại màu đen trắng, nhãn hiệu NOKIA màu đen có số seri 1357732101702881, bên trong gắn thẻ sim 0977210xxx thu giữ của Phùng Xuân C; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, màu hồng, số máy NKU92LL/A số seri FTFSK25KGRX5, bên trong gắn thẻ sim số 0385846xxx, thu giữ của Phùng Xuân C.

Xét đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với vật chứng là 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV có dãy số dập nổi 9704180027028xxx mang tên Nguyễn Việt T do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Các vật chứng khác không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan CSĐT đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Biện pháp tư pháp: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã cho anh D, ông T, anh H, anh T, chị M vay tổng số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), trong đó anh D đã trả hết số tiền mà bị cáo T cho vay là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), còn ông T, anh H, anh T, chị M chưa trả cho bị cáo T. Xét khoản tiền bị cáo T cho anh D, ông T, anh H, anh T, chị M vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu, tịch thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền trên, cụ thể: Truy thu từ bị cáo Nguyễn Việt T số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); truy thu từ ông Hoàng Anh T số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); truy thu từ anh Nguyễn Ngọc H số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); truy thu từ anh Đàm Quang T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); truy thu từ chị Lê Thúy M số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do phát sinh từ tội phạm mà bị cáo Nguyễn Việt T đã thu lợi từ những người cho vay tổng số tiền là 15.665.605 đồng (mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm linh năm đồng) cần truy thu để tịch thu, sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm do bị cáo T thu lợi bất chính của những người vay gồm anh D, ông T, anh H, anh T, chị M với tổng số tiền 71.304.395 đồng (bảy mươi một triệu, ba trăm linh tư nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng), cần buộc bị cáo trả lại tổng số tiền trên cho người vay theo khoản 2 Điều 47 - BLHS, cụ thể:

Buộc bị cáo Nguyễn Việt T trả lại cho ông Hoàng Anh T số tiền 18.880.862 đồng (mười tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn D số tiền 18.365.929 đồng (mười tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng); trả lại cho anh Nguyễn Ngọc H số tiền 7.356.180 đồng (bảy triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi đồng); trả lại cho anh Đàm Quang T số tiền 14.712.360 đồng (mười bốn triệu, bảy trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu mươi đồng); trả lại cho chị Lê Thúy M số tiền 11.989.064 đồng (mười một triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi tư đồng).

[9] Đối với Hà Văn D là người được Nguyễn Việt T thuê làm dọn dẹp cửa hàng và lái xe cho T. Quá trình điều tra xác định việc Nguyễn Việt T và Phùng Xuân C thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, D không biết, không tham gia nên D không phạm tội.

Đối với chị Hồ Thị Ngọc H (vợ Nguyễn Viết T), quá trình điều tra xác định việc Nguyễn Viết T và Phùng Xuân C thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, chị H không biết, không tham gia nên chị H không phạm tội.

Trong vụ án này, Nguyễn Viết T đã cho một số người vay tiền với mức lãi suất gấp dưới 05 lần theo quy định tại khoản 1 Điều 468 - BLDS, do đó các bên tự định đoạt theo quy định của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 17; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 20/01/2021 đến ngày 25/01/2021) bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 750.000 đồng (15%/tháng) trong thời gian cải tạo không giam giữ là 7.800.000 đồng (bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

Xử phạt bị cáo Phùng Xuân C 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 20/01/2021 đến ngày 25/01/2021) bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 300.000 đồng (10%/tháng) trong thời gian cải tạo không giam giữ là 1.620.000 đồng (một triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính từ ngày UBND phường H, UBND phường L nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Viết T về cho UBND phường H, bị cáo Phùng Xuân C về cho UBND phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu xanh Galaxy M20, số kiểu máy SMM205GIDS, số seri R28M13E32Hj, bên trong có hai thẻ sim số: 0942456xxx và 0927528xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Viết T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, số máy MQAD2VN/A, số seri DNPYK7SQJCLJ, bên trong có lắp sim số 0387666xxx, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Viết T; 01 (một) điện thoại màu đen trắng, nhãn hiệu NOKIA màu đen có số seri 1357732101702881, bên trong gắn thẻ sim 0977210xxx thu giữ của Phùng Xuân C; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, màu hồng, số máy NKU92LL/A số seri FTHSK25KGRX5, bên trong gắn thẻ sim số 0385846xxx, thu giữ của Phùng Xuân C.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV có dãy số đập nổi 9704180027028xxx mang tên Nguyễn Việt T do bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa Công an thị xã Thái Hoà và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Truy thu từ bị cáo Nguyễn Việt T số tiền 35.000.000 đồng tiền cho vay (tiền gốc) và 15.665.605 đồng (tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm). Tổng số tiền truy thu từ bị cáo Nguyễn Việt T là 50.665.605 đồng (năm mươi triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm linh năm đồng); truy thu từ ông Hoàng Anh T số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); truy thu từ anh Nguyễn Ngọc H số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); truy thu từ anh Đàm Quang T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); truy thu từ chị Lê Thúy M số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Việt T phải có nghĩa vụ trả lại tổng số tiền 71.304.395 đồng (bảy mươi một triệu, ba trăm linh tư nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng) cho người vay, cụ thể: Trả lại cho ông Hoàng Anh T số tiền 18.880.862 đồng (mười tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn D số tiền 18.365.929 đồng (mười tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng); trả lại cho anh Nguyễn Ngọc H số tiền 7.356.180 đồng (bảy triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi đồng); trả lại cho anh Đàm Quang T số tiền 14.712.360 đồng (mười bốn triệu, bảy trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu mươi đồng); trả lại cho chị Lê Thúy M số tiền 11.989.064 đồng (mười một triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi tư đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án): Buộc các bị cáo Nguyễn Việt T và Phùng Xuân C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm tất cả các bị cáo có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Những

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lê Văn Diên**